TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**
2. Ông **Phan Văn Chiếu.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2018/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần V L** - sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã T, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Th Y Nh** - sinh năm 1996; Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, thị xã T, tỉnh Bạc Liêu; Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã X huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L có mặt tại phiên tòa; Chị Nh vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Trần V L trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác định anh và chị Nh sống chung vào ngày 16/12/2014 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh Tây B. Do đời sống chung không hạnh phúc nên anh L yêu cầu ly hôn chị Nh.

- Về con: Trong thời gian chung sống anh L và chị Nh có 01 con chung là cháu Trần Th Ng - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015, hiện tại cháu Ng đang sống chung chị Nh. Anh L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh L xác định anh và chị Nh không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Th Y Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh thống nhất trình bày của anh L và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

- Về con chung: Chị Nh thống nhất trình bày của anh L về con chung, tuy nhiên chị Nh không đồng ý giao con cho anh L nuôi mà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ: Chị Nh xác định chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung.

**** Tại phiên tòa:*** Các đương sự giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần V L và chị Nguyễn Th Y Nh.

+ Về con: Giao con chung là cháu Trần Th Ng - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015 cho chị Nh tiếp tục nuôi, buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Anh L và chị Nh tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

- Anh L và chị Nh có một con chung tên Trần Th Ng - sinh ngày 12/11/2015, hiện tại cháu Ng đang sống chung chị Nh, cả chị Nh và anh L đều tranh chấp nuôi con chung.

- Anh L và chị Nh không có tài sản và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh L được ly hôn chị Nh, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do bị đơn Nguyễn Th Y Nh đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nh trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của anh L về hôn nhân: Anh L và chị Nh tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân từ ngày 07/5/2017 âm lịch đến nay. Anh L xác định không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân nên đã yêu cầu ly hôn chị Nh và chị Nh đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị Nh đã thống nhất thuận tình ly hôn nhau, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần V L và chị Nguyễn Th Y Nh.

[4] Xét về quan hệ con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Chị Nh và anh L có một con chung là cháu Trần Th Ng - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015, hiện tại cháu Ng đang sống chung chị Nh, cả anh L và chị Nh đều có nguyện vọng nuôi con chung. Tuy nhiên cháu Ng đã có cuộc sống chung ổn định với chị Nh và hiện tại cháu Ng dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ng cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

+ Mặc dù anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng theo quy định pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh L chỉ xác định là không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh anh L mắc phải bệnh dẫn đến không có khả

năng lao động được, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Nh.

+ Về mức cấp dưỡng: Anh L và chị Nh không thỏa thuận được thời gian cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị Nh theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2018 đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do anh L và chị Nh xác định anh L và chị Nh không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Do anh L và chị Nh thỏa thuận được việc ly và được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên anh L chỉ phải chịu 50% án phí Hôn nhân và Gia đình là 150.000đ, đồng thời anh L còn phải chịu án đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ. Chị Nh phải chịu 50% án phí Hôn nhân và Gia đình.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần V L và chị Nguyễn Th Y Nh.

2. Về quyền trực tiếp nuôi con chung: Giao con chung của anh Trần V L và chị Nguyễn Th Y Nh là cháu Trần Th Ng - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015 cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần V L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Th Ng - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015, theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 24 tháng 4 năm 2018 dương lịch đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do anh L và chị Nh xác định anh L và chị Nh không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Trần V L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008944 ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, được chuyển thu án phí 300.000đ, anh L phải nộp thêm số tiền 150.000đ.

Buộc chị Nguyễn Th Y Nh phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký
Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.